TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH
Bản án số: 17 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 /3/2019.
V/v: "Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Chiên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Quang Minh.
2. Bà Vũ Hồng Tiến.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh: Bà Hoàng Minh Công - chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2018/TLST- HNGĐ ngày 07/12/2018, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX - ST ngày 19/02/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/QĐS-ST ngày 06/3/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh: 1992

Nơi cư trú: Tổ 53B, khu 6A, P.H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Anh Phạm Đức H - Sinh: 1992

Nơi cư trú: Tổ 31, khu 4A, P.H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 29/10/2018, bản tự khai ngày 18/12/2018 và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Phạm Đức H chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 07/6/2013, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, tp.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, đăng ký kết hôn tự nguyện. Trước khi đăng ký kết hôn anh H và Tôi (T) chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến đánh chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên nội ngoại hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay Tôi (Thảo) thấy tình cảm không còn, xin được ly hôn anh Hiếu.

- Về con: Vợ chồng sinh được 01 con chung là Phạm Đức M- sinh: 21/6/2013. Nếu ly hôn, Tôi (T) xin được nuôi con chung. Hàng tháng yêu cầu anh Phạm Đức H cấp dưỡng tiền nuôi con số tiền là 1.500.000 đồng.
- Về tài sản và nợ: Tôi (Thảo) xác nhận vợ chồng không có tài sản chung. Cuộc

sống chung vợ chồng không có khoản nợ chung nào của Nhà nước cũng như tư nhân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Phạm Đức H đã được Tòa án triệu tập ngày 17/12/2018 và ngày 03/01/2019, nhưng anh H vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, quan điểm trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đức H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được pháp luật bảo vệ. Chị T xác nhận cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên nội ngoại hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay không quan tâm đến nhau.

Ngày 11/01/2019, Toà án nhân dân thành phố H có điều tra xác minh ở địa phương nơi anh H và chị T đã chung sống, đại diện tổ dân cung cấp thông tin là hiện nay anh Phạm Đức H sống cùng Bố mẹ tại tổ dân. Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đức H có cuộc sống chung vợ chồng sống tại tổ dân, tuy nhiên do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở khoảng 05 tháng nay và vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân do anh H sa vào tệ nạn xã hội nghiện hút dẫn đến vợ chồng xung đột nhau. Tổ dân cung cấp thông tin để Tòa án biết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H không có mặt tại Toà án để có quan điểm về việc chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh. Việc này chứng minh anh H không quan tâm đến cuộc sống chung và hạnh phúc vợ chồng.

Từ những phân tích trên, thấy tình cảm vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đức H đã mâu thuẫn không ai quan tâm đến ai, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là cần thiết.

[2] Về con: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đức H sinh được 01 con chung là Phạm Đức M - sinh: 21/6/2013. Quá trình giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án để có quan điểm về con. Chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng xin được nuôi con chung và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.500.000 đồng/tháng. Thấy việc chị T yêu cầu là phù hợp, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản và nợ: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ chung nào của Nhà nước cũng như tư nhân. Nên không đề cập.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T chịu án phí ly hôn, anh Phạm Đức H chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; khoản 4, Điều 147; khoản 3, Điều 228; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, điểm c, khoản 6, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Đức H .

2. Về con: Giao con chung Phạm Đức M- sinh: 21/6/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm *(chị T đã nộp tạm ứng án phí ly hôn tại biên lai số: 0000400 ngày 04/12/2018, tại chi cục thi hành án dân sự thành phố H, nay chuyển thành án phí ly hôn chính thức)*. Anh Phạm Đức H chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt chị T, vắng anh H. Báo quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, chị T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh H kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND TP.H*
- *Tòa án nhân dân Tỉnh Q.N;*
- *THA TP.H;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường H;*
- *Lưu hồ sơ + VP;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Chiên